

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai thống kê chất lượng giáo dục cuối năm
của trường Tiểu học Phú Lợi 2 – Năm học 2023-2024**

Hôm nay vào lúc 8 giờ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại văn phòng Trường Tiểu học Phú Lợi 2, chúng tôi tiến hành lập biên bản niêm yết công khai thống kê chất lượng giáo dục cuối năm của trường Tiểu học Phú Lợi 2 – Năm học 2023-2024.

I. Thành phần tham dự :

- 1/ Bà Võ Thị Thanh Tuyền: Hiệu trưởng
- 2/ Bà Phạm Ngọc Nhung: Phó Hiệu trưởng – Thư ký
- 3/ Bà Ngô Thị Hải Yến – Phó Hiệu trưởng

II. Nội dung biên bản:

Tiến hành niêm yết công khai thống kê chất lượng giáo dục cuối năm của trường Tiểu học Phú Lợi 2 – Năm học 2023-2024.

- Thời gian niêm yết trên bảng ba công khai tại sảnh chính kể từ ngày 31/5/2024 đến ngày 28/6/2024.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 10 phút cùng ngày.



Võ Thị Thanh Tuyền

THƯ KÝ

A handwritten signature in black ink, written over the 'THƯ KÝ' title.

Phạm Ngọc Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2



**THỐNG KÊ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(CUỐI NĂM)**



NĂM HỌC 2023-2024

THỐNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Tỉ lệ(%)	Ghi chú
1/1	36	19	52.78	1	2.78	0	0.00	GVCN: Hà Thị Tuyết Trinh
1/2	35	18	51.43	2	5.71	2	5.71	GVCN: Lê Thị Việt
1/3	35	18	51.43	2	5.71	1	2.86	GVCN: Hồ Thị Mai Nga
1/4	35	18	51.43	1	2.86	1	2.86	GVCN: Huỳnh Tuyết Mai
1/5	40	19	47.50	3	7.50	1	2.50	GVCN: Huỳnh Thị Ngọc Nga
1/6	39	18	46.15	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hoàng Thị Thiêt
1/7	40	20	50.00	1	2.50	0	0.00	GVCN: Phan Thị Tinh
Tổng Cộng Khối 1	260	130	50.00	10	3.85	5	1.92	
2/1	40	17	42.50	1	2.50	0	0.00	GVCN: Trương Thị Mỹ Kiều
2/2	41	19	46.34	1	2.44	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Nguyên
2/3	39	20	51.28	1	2.56	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tinh
2/4	39	19	48.72	4	10.26	3	7.69	GVCN: Nguyễn Thị Tuyết Hoa
2/5	38	18	47.37	0	0.00	0	0.00	GVCN: Phan Thị Quỳnh Nga
2/6	41	20	48.78	1	2.44	0	0.00	GVCN: Bùi Thúy Hân
Tổng Cộng Khối 2	238	113	47.48	8	3.36	3	1.26	
3/1	36	18	50.00	6	16.67	4	11.11	GVCN: Lương Ái Vy
3/2	36	22	61.11	0	0.00	0	0.00	GVCN: Giang Thị Liên
3/3	37	20	54.05	1	2.70	0	0.00	GVCN: Lê Thị Hường
3/4	35	17	48.57	1	2.86	0	0.00	GVCN: Phạm Thị Thu Hà
3/5	35	17	48.57	1	2.86	0	0.00	GVCN: Lư Quyết Thắng
3/6	35	19	54.29	0	0.00	0	0.00	GVCN: Trần Thị Thu Cúc
3/7	35	20	57.14	2	5.71	1	2.86	GVCN: Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Cộng Khối 3	249	133	53.41	11	4.42	5	2.01	
4/1	39	21	53.85	1	2.56	1	2.56	GVCN: Hoàng Thị Kim Hoa
4/2	36	16	44.44	1	2.78	0	0.00	GVCN: Đặng Thị Hồng Nhung

4/3	36	16	44.44	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Hiền
4/4	38	18	47.37	0	0.00	0	0.00	GVCN: Trần Xuân Thìn
4/5	36	18	50.00	4	11.11	3	8.33	GVCN: Nguyễn Kim Trà
4/6	37	20	54.05	1	2.70	0	0.00	GVCN: Lê Thị Thảo
Tổng Cộng Khối 4	222	109	49.10	7	3.15	4	1.80	
5/1	36	17	47.22	2	5.56	1	2.78	GVCN: Nguyễn Huỳnh Ái Phương
5/2	36	17	47.22	3	8.33	1	2.78	GVCN: Chu Thị Hà Phương
5/3	35	17	48.57	1	2.86	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Ngọc Thúy
5/4	35	19	54.29	2	5.71	2	5.71	GVCN: Lê Thị Hào
5/5	35	15	42.86	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tiên
5/6	35	18	51.43	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Mai
Tổng Cộng Khối 5	212	103	48.58	8	3.77	4	1.89	
Tổng Cộng Toàn Trường	1181	588	49.79	44	3.73	21	1.78	

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC
HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2023-2024

• Chất lượng giáo dục

[illegible]

Hoàn thành tốt	255	138	72	6	4	0	1	117	55	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	243	122	58	4	1	0	1	121	58	5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. Đạo đức	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	724	197	104	8	4	0	1	158	76	2	2	0	0	176	106	10	5	0	0	193	104	7	4	0	
Hoàn thành	245	63	26	2	1	0	1	80	37	6	1	0	0	73	27	1	0	0	0	29	5	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. Tự nhiên và Xã hội	747	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	508	185	96	8	5	0	1	153	74	1	1	0	0	170	103	9	5	0	0						
Hoàn thành	239	75	34	2	0	0	1	85	39	7	2	0	0	79	30	2	0	0	0						
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
9. Âm nhạc	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	588	161	87	8	5	0	1	142	69	2	1	0	0	137	97	5	4	0	0	148	85	5	3	0	
Hoàn thành	381	99	43	2	0	0	1	96	44	6	2	0	0	112	36	6	1	0	0	74	24	2	1	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10. Mỹ thuật	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	588	164	96	7	4	0	0	140	79	2	2	0	0	164	116	5	4	0	0	120	77	4	4	0	
Hoàn thành	381	96	34	3	1	0	2	98	34	6	1	0	0	85	17	6	1	0	0	102	32	3	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	471	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	313													153	101	5	5	0	0	160	84	4	3	0	
Hoàn thành	158													96	32	6	0	0	0	62	25	3	1	0	
Chưa hoàn thành	0													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12. Tin học và Công nghệ (Tin học)	471	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	284													138	94	7	5	0	0	146	79	4	3	0	
Hoàn thành	187													111	39	4	0	0	0	76	30	3	1	0	
Chưa hoàn thành	0													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13. Giáo dục thể chất	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	
Hoàn thành tốt	670	174	87	7	4	0	0	163	88	4	3	0	0	179	107	9	5	0	0	154	95	5	4	0	
Hoàn thành	299	86	43	3	1	0	2	75	25	4	0	0	0	70	26	2	0	0	0	68	14	2	0	0	

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14. Hoạt động trải nghiệm	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Hoàn thành tốt	708	196	103	8	5	0	0	159	77	2	2	0	0	163	101	9	5	0	0	190	99	7	4	0	0
Hoàn thành	261	64	27	2	0	0	2	79	36	6	1	0	0	86	32	2	0	0	0	32	10	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Năng lực cốt lõi																									
1. Tự chủ và tự học	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	675	169	89	6	3	0	0	164	80	2	1	0	0	168	101	8	5	0	0	174	96	5	4	0	0
Đạt	294	91	41	4	2	0	2	74	33	6	2	0	0	81	32	3	0	0	0	48	13	2	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	683	168	89	6	3	0	0	167	80	2	1	0	0	173	104	8	5	0	0	175	96	5	4	0	0
Đạt	286	92	41	4	2	0	2	71	33	6	2	0	0	76	29	3	0	0	0	47	13	2	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. GQVĐ và sáng tạo	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	669	165	87	6	3	0	0	162	79	2	1	0	0	170	103	8	5	0	0	172	94	6	4	0	0
Đạt	300	95	43	4	2	0	2	76	34	6	2	0	0	79	30	3	0	0	0	50	15	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Ngôn ngữ	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	689	167	87	6	3	0	1	165	82	2	1	0	0	183	110	8	5	0	0	174	97	5	4	0	0
Đạt	280	93	43	4	2	0	1	73	31	6	2	0	0	66	23	3	0	0	0	48	12	2	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. Tính toán	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	670	170	89	6	3	0	1	162	79	2	1	0	0	173	105	8	5	0	0	165	91	6	4	0	0
Đạt	299	90	41	4	2	0	1	76	34	6	2	0	0	76	28	3	0	0	0	57	18	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6. Khoa học	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	700	171	89	6	3	0	1	164	81	3	2	0	0	187	111	8	5	0	0	178	94	7	4	0	0
Đạt	269	89	41	4	2	0	1	74	32	5	1	0	0	62	22	3	0	0	0	44	15	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. Công nghệ	471	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0

Tốt	363	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	184	110	8	5	0	0	179	92	5	3	0
Đạt	108	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	65	23	3	0	0	0	43	17	2	1	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Tin học	471	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	362	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	180	108	8	5	0	0	182	95	5	3	0
Đạt	109	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	69	25	3	0	0	0	40	14	2	1	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Thẩm mỹ	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	709	163	85	5	3	0	1	165	82	3	2	0	0	195	115	8	5	0	0	186	101	5	4	0
Đạt	260	97	45	5	2	0	1	73	31	5	1	0	0	54	18	3	0	0	0	36	8	2	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể chất	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	716	169	89	6	3	0	1	172	84	3	2	0	0	187	109	9	5	0	0	188	99	6	4	0
Đạt	253	91	41	4	2	0	1	66	29	5	1	0	0	62	24	2	0	0	0	34	10	1	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu																								
1. Yêu nước	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	834	185	93	6	3	0	1	205	99	6	2	0	0	229	130	9	5	0	0	215	108	7	4	0
Đạt	135	75	37	4	2	0	1	33	14	2	1	0	0	20	3	2	0	0	0	7	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	824	185	93	6	3	0	1	195	93	5	2	0	0	230	130	9	5	0	0	214	108	7	4	0
Đạt	145	75	37	4	2	0	1	43	20	3	1	0	0	19	3	2	0	0	0	8	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	731	171	90	6	3	0	1	174	84	4	2	0	0	205	118	9	5	0	0	181	96	6	4	0
Đạt	238	89	40	4	2	0	1	64	29	4	1	0	0	44	15	2	0	0	0	41	13	1	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0
Tốt	786	178	93	6	3	0	1	182	87	4	2	0	0	230	130	9	5	0	0	196	104	6	4	0
Đạt	183	82	37	4	2	0	1	56	26	4	1	0	0	19	3	2	0	0	0	26	5	1	0	0

Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. Trách nhiệm	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
Tốt	755	174	91	6	3	0	0	182	87	4	2	0	0	219	125	10	5	0	0	180	94	6	4	0	0
Đạt	214	86	39	4	2	0	2	56	26	4	1	0	0	30	8	1	0	0	0	42	15	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
IV. Đánh giá KQHT	969	260	130	10	5	0	2	238	113	8	3	0	0	249	133	11	5	0	0	222	109	7	4	0	0
- Hoàn thành xuất sắc	421	123	65	5	3	0	0	103	57	1	1	0	0	96	74	4	4	0	0	99	62	3	3	0	0
- Hoàn thành tốt	8	0	0	0	0	0	0	4	1	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
- Hoàn thành	536	133	64	5	2	0	2	131	55	7	2	0	0	150	57	7	1	0	0	122	46	4	1	0	0
- Chưa hoàn thành	4	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
V. Khen thưởng	429	123	65	5	3	0	0	107	58	1	1	0	0	99	76	4	4	0	0	100	63	3	3	0	0
- Giấy khen cấp trường	429	123	65	5	3	0	0	107	58	1	1	0	0	99	76	4	4	0	0	100	63	3	3	0	0
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VI. HSDT được trợ giảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VII. HS.K.Tật không ĐG	2	2	0	0	0	0		0	0	0	0	0		0	0	0	0	0		0	0	0	0		
III. HS bỏ học HK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Hoàn cảnh GDKK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ KK trong học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Xa trường, đi lại K.khẩn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Nguyên nhân khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	



Phú Lợi, ngày 24 tháng 5 năm 2024

Hiệu trưởng

Xoá Thị Thanh Tuyền

Người lập bảng

Phạm Ngọc Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHU LỢI 2

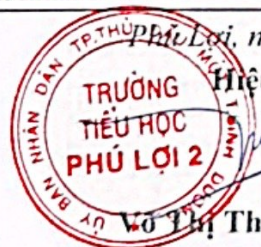
THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC
HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số học sinh	Lớp 5					
		Tổng số	Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập							
1. Tiếng Việt	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	146	146	80	3	1	0	0
Hoàn thành	66	66	23	5	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	147	147	76	4	1	0	0
Hoàn thành	65	65	27	4	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	174	174	88	5	3	0	0
Hoàn thành	38	38	15	3	1	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
4. Lịch sử và Địa lí	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	171	171	85	4	2	0	0
Hoàn thành	41	41	18	4	2	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
5. NN-3-4-5	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	119	119	62	3	1	0	0
Hoàn thành	93	93	41	5	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
6. Tin học	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	150	150	75	5	2	0	0
Hoàn thành	62	62	28	3	2	0	0

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
7. Đạo đức	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	189	189	95	6	3	0	0
Hoàn thành	23	23	8	2	1	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
8. Âm nhạc	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	111	111	58	3	1	0	0
Hoàn thành	101	101	45	5	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
9. Mĩ thuật	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	138	138	80	4	2	0	0
Hoàn thành	74	74	23	4	2	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
10. Thủ công, Kỹ thuật	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	158	158	79	4	1	0	0
Hoàn thành	54	54	24	4	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
11. Thể dục	212	212	103	8	4	0	0
Hoàn thành tốt	134	134	65	4	1	0	0
Hoàn thành	78	78	38	4	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
II. Năng lực							
1. Tự phục vụ, tự quản	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	192	192	94	7	4	0	0
Đạt	20	20	9	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0		0
2. Hợp tác	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	194	194	95	7	4	0	0
Đạt	18	18	8	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0		0
3. Tự học và giải quyết VD	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	180	180	91	6	3	0	0
Đạt	32	32	12	2	1	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0		0
III. Phẩm chất							
1. Chăm học chăm làm	212	212	103	8	4	0	0

Tốt	183	183	94	7	4	0	0
Đạt	29	29	9	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
2. Tự tin trách nhiệm	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	194	194	97	7	4	0	0
Đạt	18	18	6	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
3. Trung thực, kỷ luật	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	194	194	97	7	4	0	0
Đạt	18	18	6	1	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	212	212	103	8	4	0	0
Tốt	203	203	101	8	4	0	0
Đạt	9	9	2	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
IV. Khen thưởng	89	89	48	3	1	0	0
- Giấy khen cấp trường	89	89	48	3	1	0	0
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0
V. Hoàn thành chương trình lớp học,	212	212	103	8	4	0	0
- Hoàn thành	212	212	103	8	4	0	0
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
VI. HSĐT được trợ giảng	0						
VII. HS.K.Tất không DG	0	0	0	0	0	0	
VIII. HS bỏ học HKI	0	0	0	0	0	0	0
+ Hoàn cảnh GĐKK	0	0	0	0	0		
+ KK trong học tập	0	0	0	0	0		
+ Xa trường, đi lại K.khăn	0	0	0	0	0		
+ Thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0	0		
+ Nguyên nhân khác	0	0	0	0	0		



Phụ Lợi, ngày 24 tháng 05 năm 2024

Hiệu trưởng

Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập bảng

Phạm Ngọc Nhung